

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thực phẩm Quốc tế

Ngày
30/06/2025

25,000 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

2.8%

5.6%

4.8%

DT thuần
Q2/25

490

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -1.3%

YoY: ▼35.0 | -6.7%

LN thuần
Q2/25

48.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.3 | -17.5%

YoY: ▼26.0 | -35.0%

LN sau thuế
Q2/25

38.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.50 | -18.0%

YoY: ▼16.2 | -29.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

9.9%

YoY: +/- ▼ 2.0%

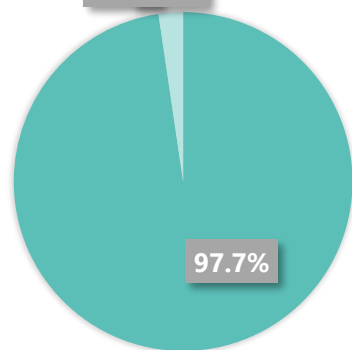
ROE (TTM)
Q2/25

11.6%

YoY: +/- ▼ 1.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,261 - 29,154
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,179
Số lượng CPLH (CP)	87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,155
Sở hữu nước ngoài	97.7%
Beta	0.89
EPS	1,768
P/E	14.1

Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
6T 2025

986

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0 | 1.5%

LN thuần
6T 2025

107

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.0 | -22.0%

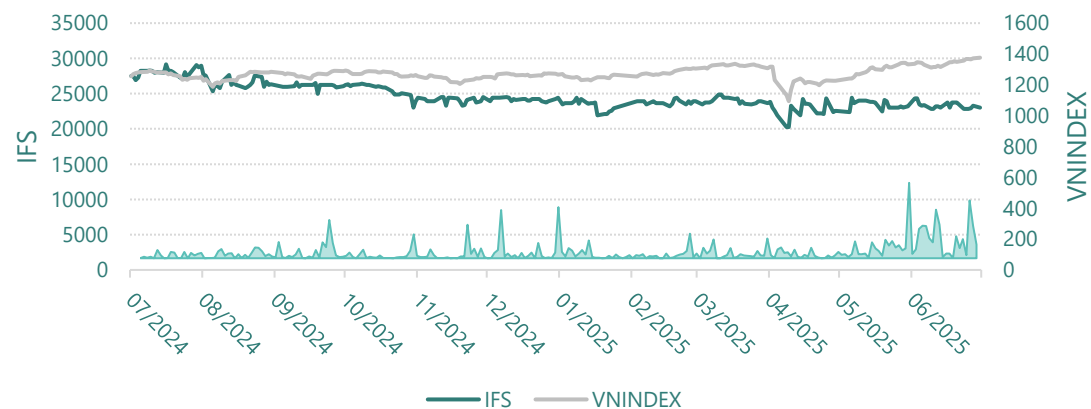
LN sau thuế
6T 2025

86.1

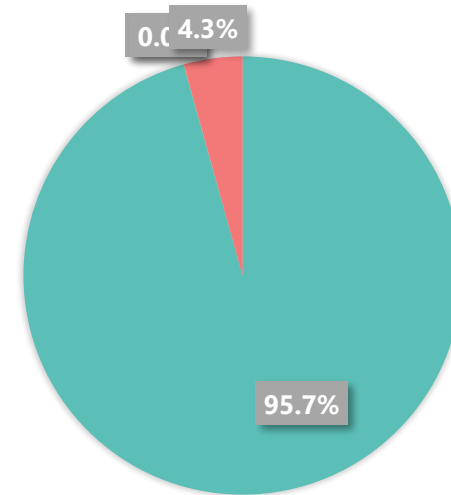
tỷ VNĐ

YoY: ▼18.9 | -18.0%

Lịch sử giá



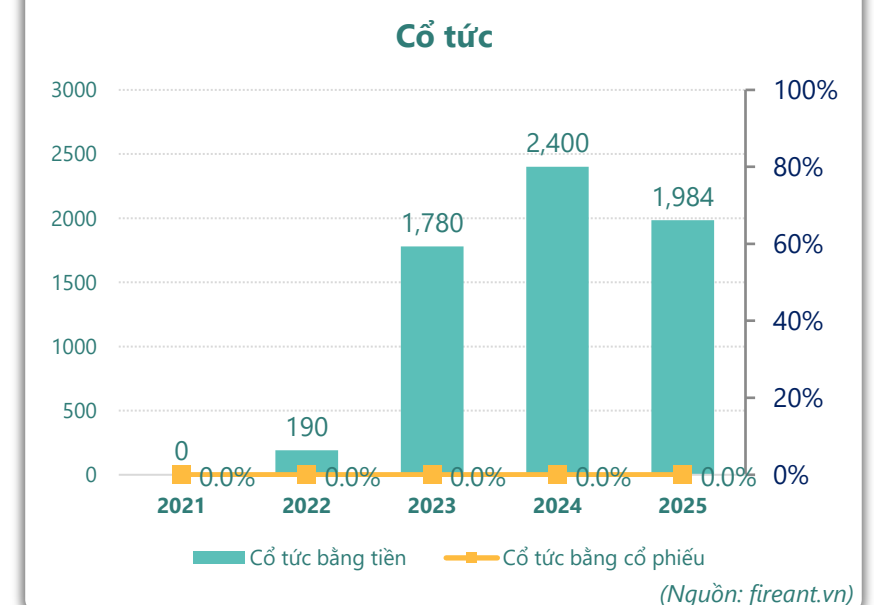
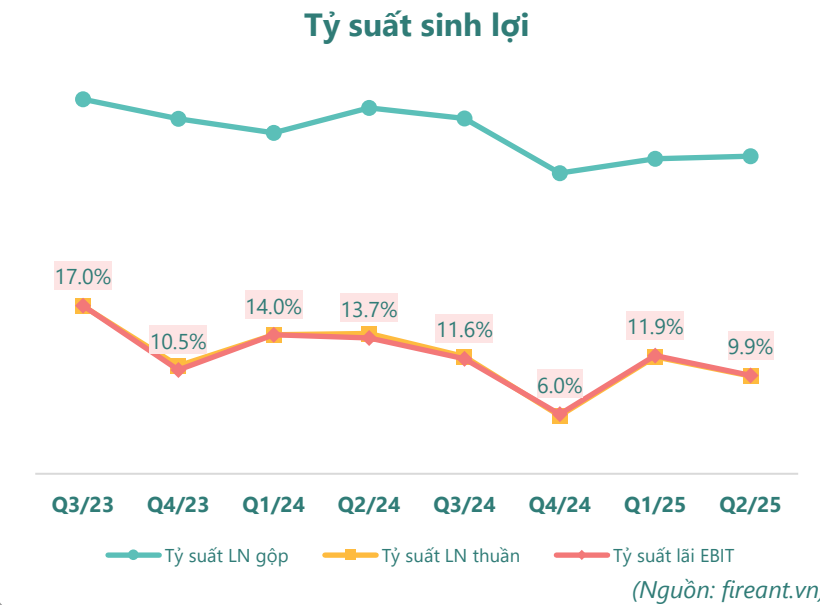
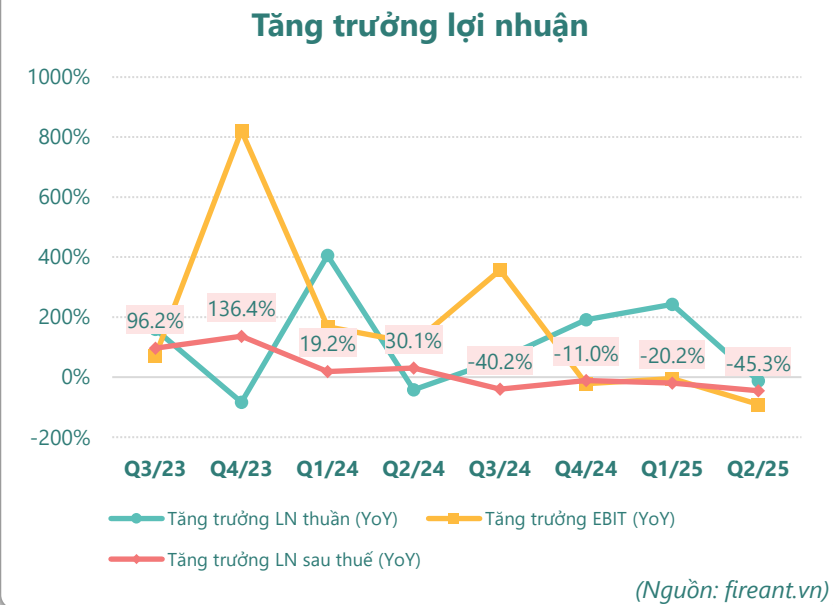
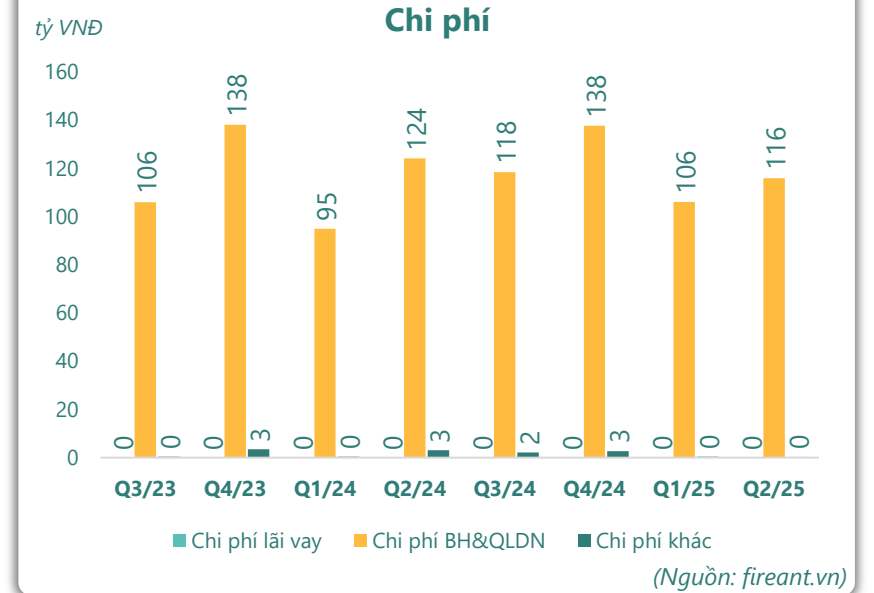
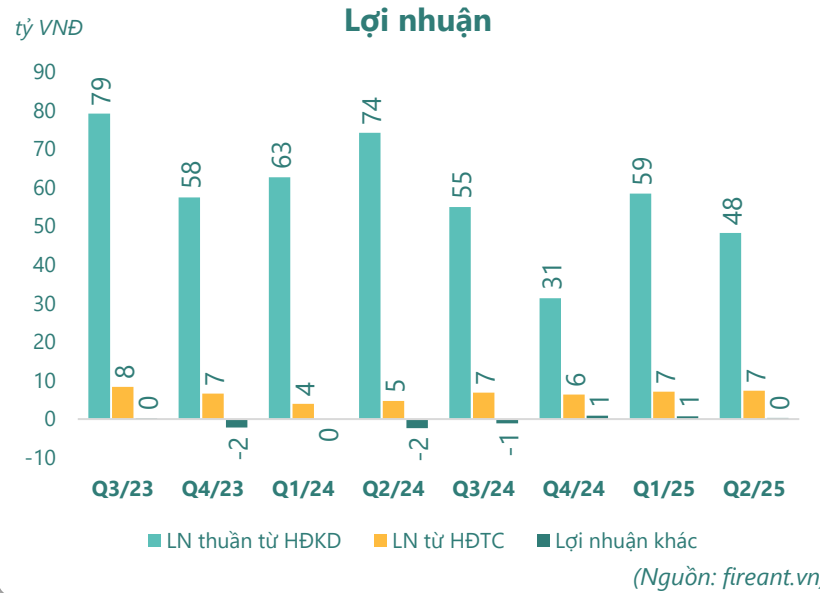
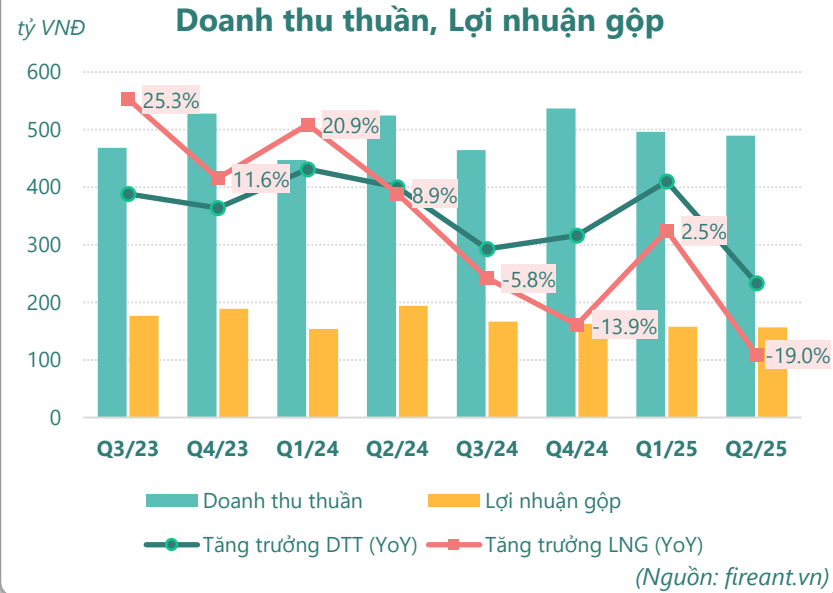
Cơ cấu cổ đông



- Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd
- Nguyễn Thị Kim Liên
- CTCP Thực phẩm Quốc tế
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

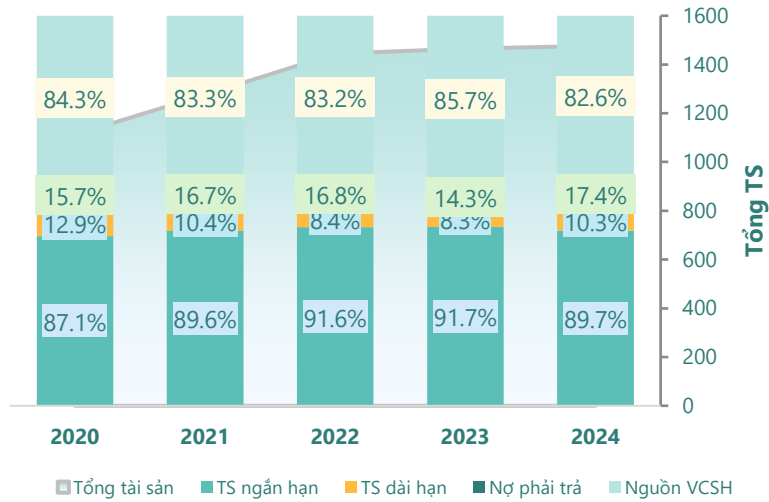
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

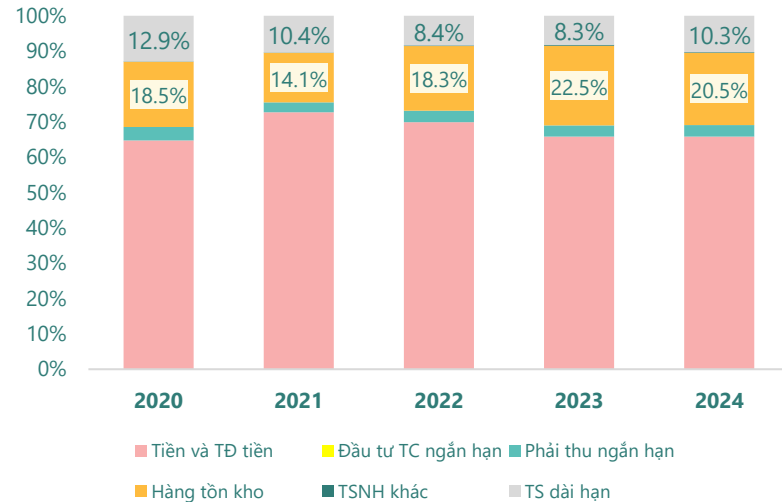
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

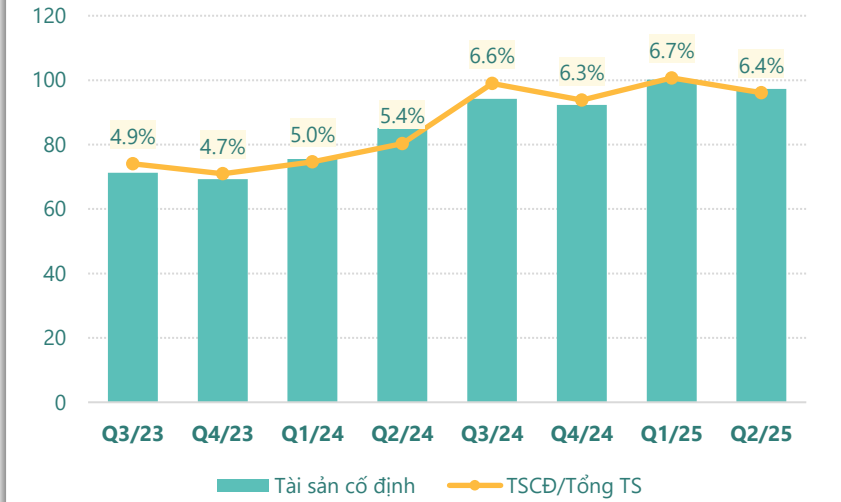
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

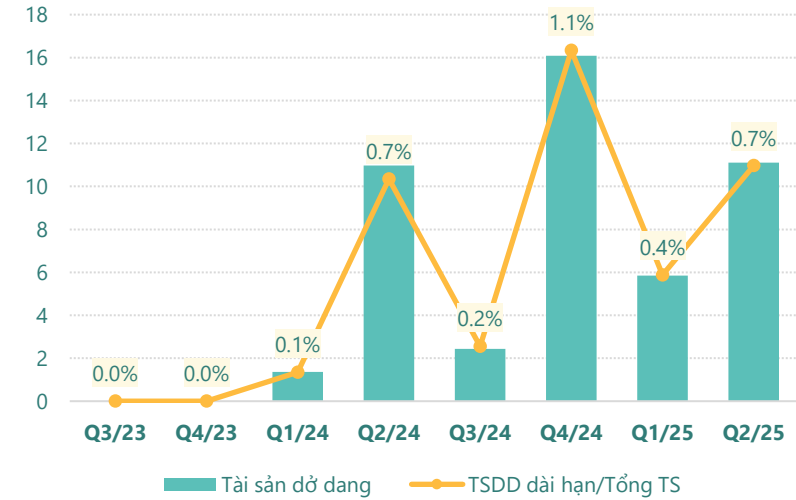
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

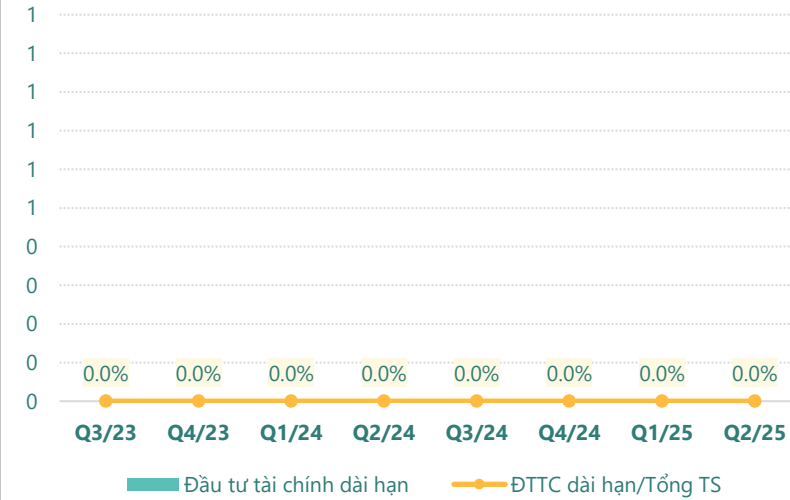
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

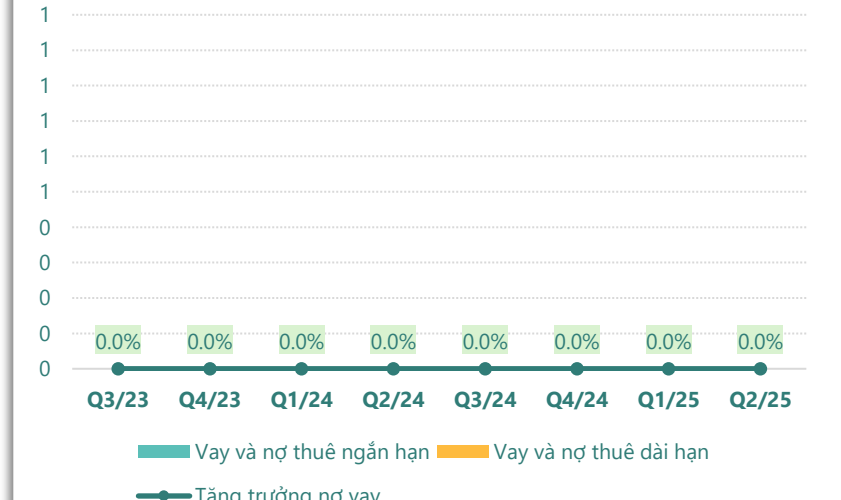
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

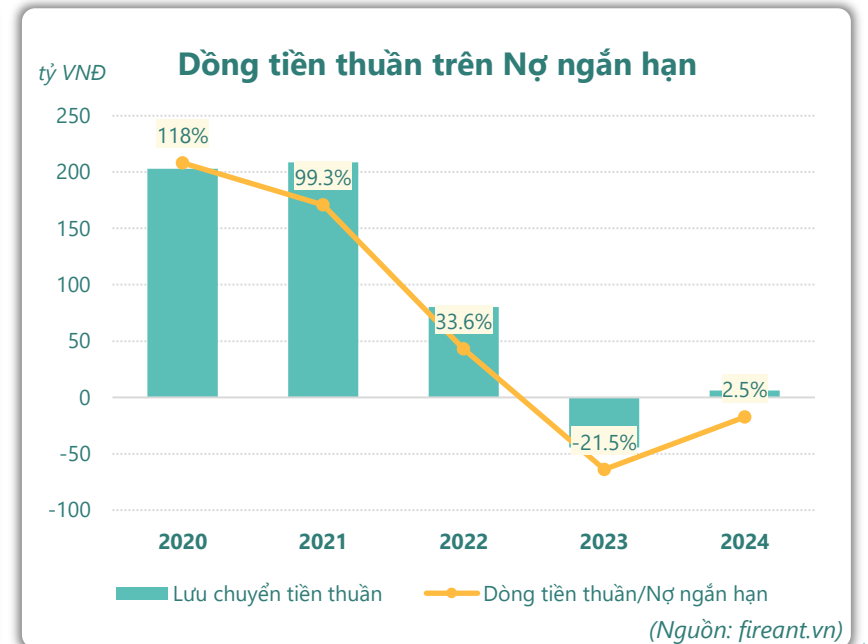
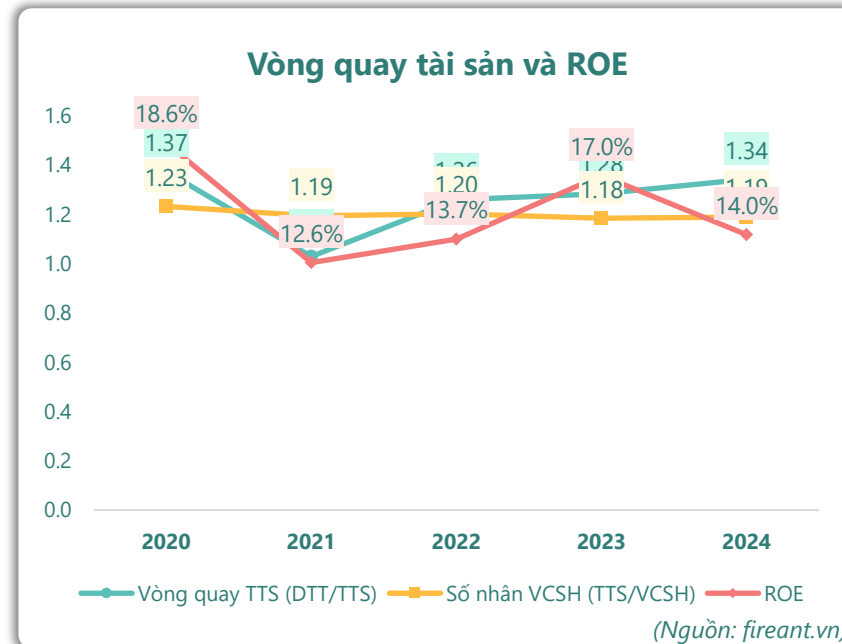
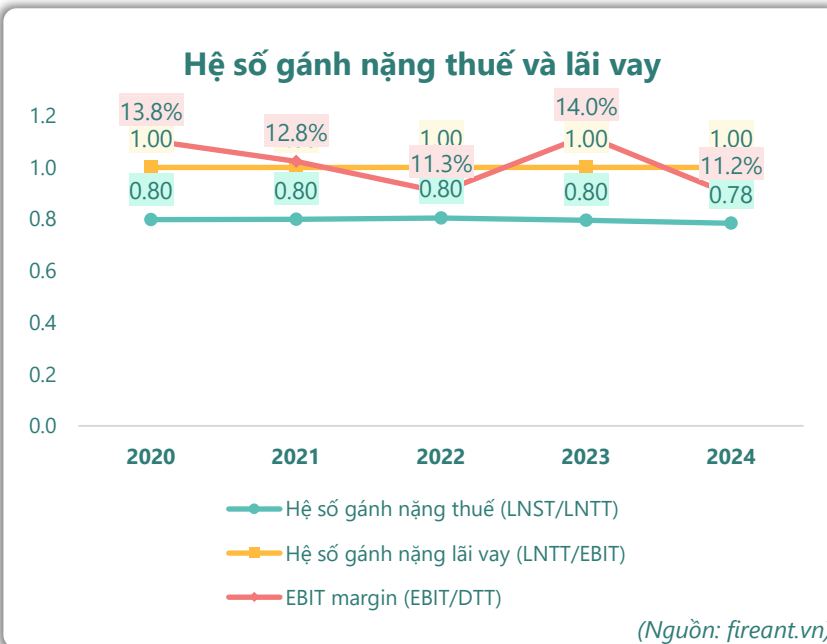
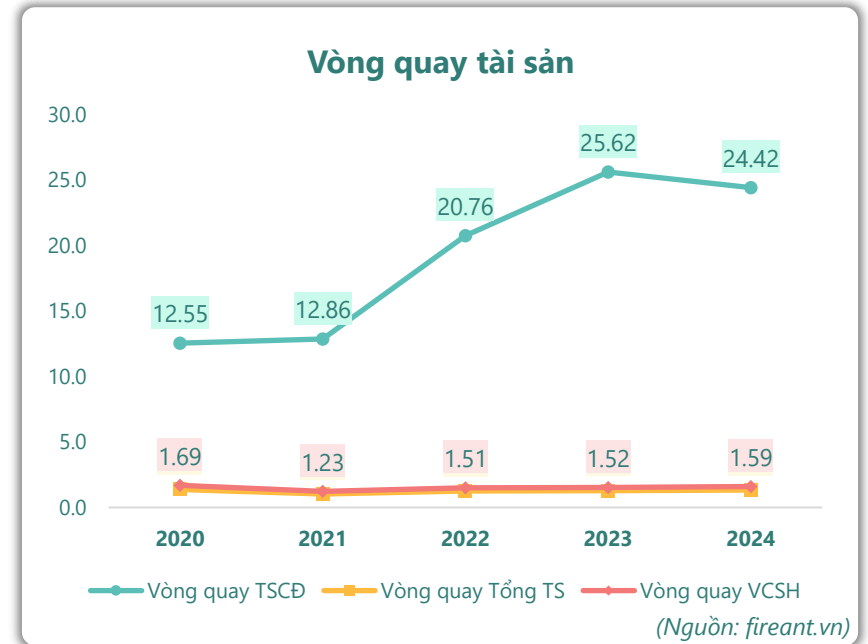
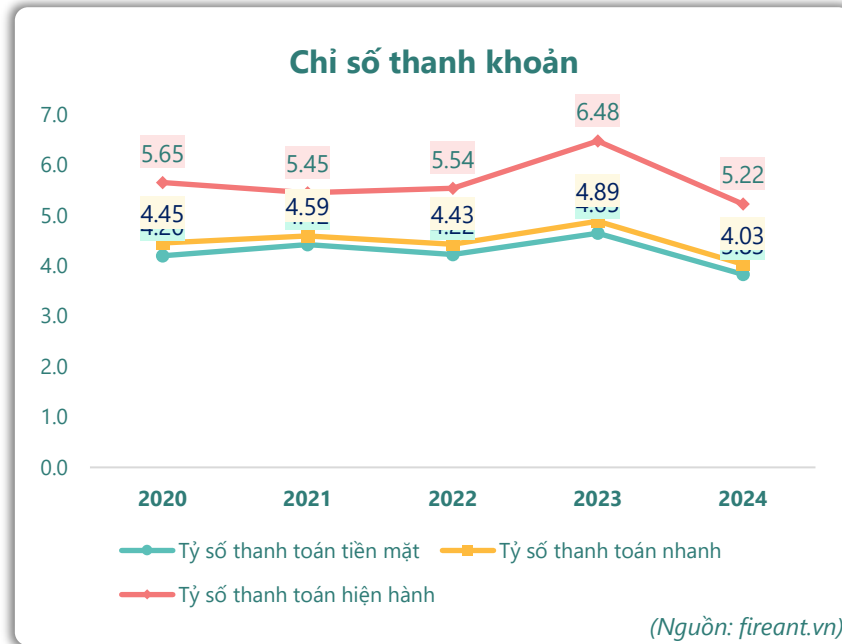
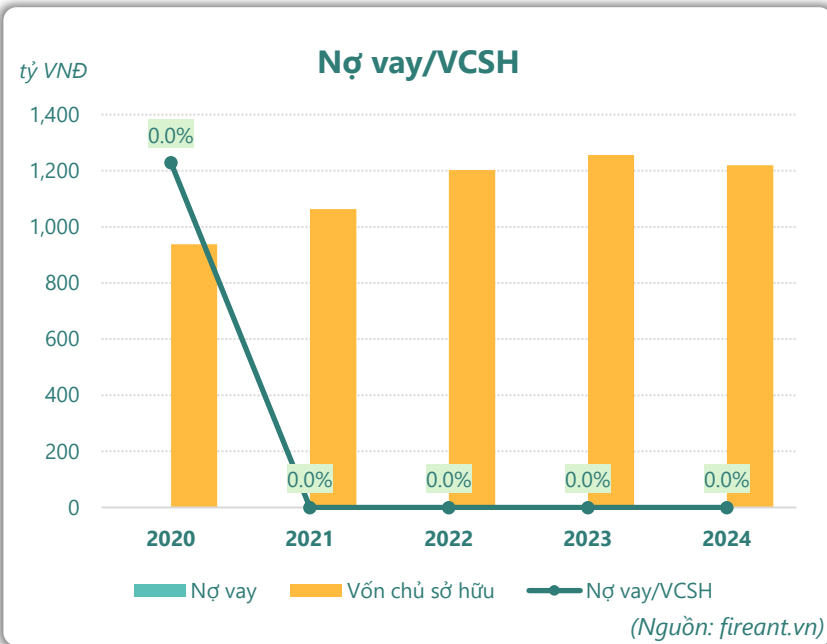
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	490	525	-6.7%	986	972	1.5%
Giá vốn hàng bán	333	331	0.6%	672	624	7.6%
Lợi nhuận gộp	157	194	-19.2%	314	347	-9.5%
Doanh thu HĐTC	7.51	4.90	53.3%	14.8	8.89	66.3%
Chi phí TC	0.15	0.20	-22.5%	0.30	0.23	31.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	103	109	-5.6%	195	195	0.3%
Chi phí QLDN	13.0	15.0	-13.4%	26.6	24.1	10.3%
LN thuần từ HĐKD	48.2	74.2	-35.0%	107	137	-22.0%
Lợi nhuận khác	0.28	-2.38	112%	1.00	-2.45	141%
LN trước thuế	48.5	71.8	-32.4%	108	134	-19.9%
Lợi nhuận sau thuế	38.8	55.0	-29.4%	86.1	105	-18.0%
LNST của CĐ cty mẹ	38.8	55.0	-29.4%	86.1	105	-18.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	117	85.5	-5.94	38.1	37.3	-5.66
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.10	-20.6	3.64	-8.54	-0.68	8.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-209	0.03	0	0
Tiền đầu kỳ	965	1,088	1,153	941	971	1,008
Lưu chuyển tiền thuần	123	65.0	-211	29.6	36.6	2.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.12	0	0
Tiền cuối kỳ	1,088	1,153	941	971	1,008	1,010

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,518	1,476	2.8%
Tài sản ngắn hạn	1,374	1,325	3.7%
Tiền và tương đương tiền	1,010	971	4.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	34.2	48.4	-29.3%
Hàng tồn kho	325	303	7.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.17	2.53	64.9%
Tài sản dài hạn	145	152	-4.6%
Phải thu dài hạn	1.08	0.93	16.5%
Tài sản cố định	97.3	92.4	5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.1	16.1	-30.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	35.2	42.4	-16.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	213	257	-17.1%
Nợ ngắn hạn	207	254	-18.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	137	148	-7.0%
Nợ dài hạn	5.83	3.39	72.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,306	1,219	7.1%
Vốn chủ sở hữu	1,306	1,219	7.1%
Vốn điều lệ	871	871	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

